TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2019
V/v tranh chấp: "*Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trương Nguơn.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Kim C, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn P, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ và chổ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Kim C trình bày:***

Vào năm 2004, chị C với anh Nguyễn Văn P sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, chị C với anh P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 12/2018 chị C ly thân anh P cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu ly hôn anh P.

Về con chung: Chị C với anh P có 02 con chung tên là Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 14/8/2005 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 12/01/2016. Cháu T1 và cháu T2 đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1 và cháu T2. Chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị C không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa và trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản ghi ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Cho chị C ly hôn anh P.

+ Về con chung: Giao cháu T1 và cháu T2 cho chị C tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết,nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy anh Nguyễn Văn P đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiện họp, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị C yêu cầu ly hôn anh P. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2004, chị C sống chung với anh P và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm sống, chị C đã ly thân anh P từ tháng 12/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị C với anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh P là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh P vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản ghi ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị C ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Chị C với anh P có 02 con chung tên là Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 14/8/2005 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 12/01/2016. Cháu T1 và cháu T2 đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2. Xét thấy, cháu T1 và cháu T2 từ lúc sinh ra cho đến nay sống chung với chị C; chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định về mặt đời sống, tinh thần của các cháu, chị C có điều kiện kinh tế thuận lợi để tiếp tục nuôi con; đồng thời cháu T1 có nguyện vọng sống chung với chị C sau khi chị C ly hôn anh P; nên giao cháu T1 và cháu T2 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hồ Kim C ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 14/8/2005 và Nguyễn Huyền T2, sinh ngày 12/01/2016 cho chị C tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

+ Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp theo biên lai số 39856 ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị C đã nộp xong án phí.

+ Anh P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu